

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Bộ tiêu chí về xã nông thôn mới và Bộ tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao tỉnh Lào Cai giai đoạn 2022 - 2025

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LÀO CAI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025;

Căn cứ Quyết định số 318/QĐ-TTg ngày 08/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới và Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021 - 2025;

Theo đề nghị của Chánh Văn phòng Điều phối nông thôn mới tỉnh tại Tờ trình số 07/TTr-VPĐP ngày 26/4/2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này là Bộ tiêu chí về xã nông thôn mới và Bộ tiêu chí về xã nông thôn mới nâng cao trên địa bàn tỉnh Lào Cai giai đoạn 2022-2025 (gọi tắt là Bộ tiêu chí nông thôn mới cấp xã giai đoạn 2022-2025).

Điều 2. Nhiệm vụ của các sở, ban, ngành và các huyện, thị xã, thành phố

1. Các sở, ban, ngành liên quan căn cứ phân công phụ trách chỉ tiêu, tiêu chí, ban hành hướng dẫn thực hiện đối với các chỉ tiêu, tiêu chí của Bộ tiêu chí nông thôn mới cấp xã giai đoạn 2022 - 2025 trong thời gian 30 ngày kể từ ngày ban hành Quyết định này.

2. Các huyện, thị xã, thành phố chủ động triển khai thực hiện các chỉ tiêu, tiêu chí xã nông thôn mới, xã nông thôn mới nâng cao của tỉnh Lào Cai, giai đoạn 2022 - 2025 theo quy định.

3. Sở Nông nghiệp và PTNT, Văn phòng Điều phối nông thôn mới tỉnh:

- Chủ trì, phối hợp với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh Lào Cai hàng năm tổ chức kiểm tra, giám sát, đôn đốc việc thực hiện duy trì và nâng cao chất lượng các tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao sau đạt chuẩn trên địa bàn tỉnh để đảm bảo phát triển nông thôn bền vững.

- Trong quá trình triển khai thực hiện Bộ tiêu chí nông thôn mới cấp xã theo Quyết định này có vấn đề mới phát sinh, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Văn phòng Điều phối nông thôn mới tỉnh phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan kịp thời nghiên cứu, rà soát, hoàn thiện, tham mưu UBND tỉnh xem xét điều chỉnh, bổ sung Bộ tiêu chí nêu trên, đảm bảo phù hợp với điều kiện thực tế.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Chánh Văn phòng Điều phối nông thôn mới tỉnh; Trưởng Ban Chỉ đạo các Chương trình mục tiêu quốc gia, Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố; Trưởng Ban Chỉ đạo các Chương trình mục tiêu quốc gia, Chủ tịch UBND các xã trên địa bàn tỉnh và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành./.

Nơi nhận:

- Bộ Nông nghiệp và PTNT;
- Văn phòng Điều phối NTM TW;
- TT. TU, HĐND, UBND tỉnh;
- TT. Đoàn ĐBQH tỉnh;
- UBMTTQ Việt Nam và các đoàn thể tỉnh;
- Văn phòng Tỉnh ủy; các Ban Đảng Tỉnh ủy;
- Như Điều 3 QĐ;
- Các Sở, ban, ngành trực thuộc tỉnh;
- Công an tỉnh, Cục Thống kê tỉnh;
- Bộ CHQS tỉnh, Bộ CHBĐBP tỉnh;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Đài PTTH tỉnh, Báo Lào Cai;
- CVP, PCVP1,2,3;
- Công báo Lào Cai;
- BBT Công TTĐT tỉnh;
- Lưu: VT, các CV.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**




Trịnh Xuân Trường

BỘ TIÊU CHÍ XÃ NÔNG THÔN MỚI TỈNH LÀO CAI, GIAI ĐOẠN 2022 - 2025
(Kèm theo Quyết định số: **894** /QĐ-UBND ngày **19** / **4** /2022 của UBND tỉnh Lào Cai)




TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu vùng trung du miền núi phía Bắc	Chỉ tiêu tỉnh Lào Cai giai đoạn 2022-2025	Phân công phụ trách và hướng dẫn tiêu chí	Ghi chú
1	Quy hoạch	<p>1.1. Có quy hoạch chung xây dựng xã được phê duyệt phù hợp với định hướng phát triển kinh tế - xã hội của xã giai đoạn 2021-2025 (trong đó có quy hoạch khu chức năng dịch vụ hỗ trợ phát triển kinh tế nông thôn) và được công bố công khai đúng thời hạn</p> <p>1.2. Ban hành quy định quản lý quy hoạch chung xây dựng xã và tổ chức thực hiện theo quy hoạch</p>	Đạt	Đạt	Sở Giao thông vận tải - Xây dựng	
2	Giao thông	2.1. Tỷ lệ đường xã được nhựa hóa hoặc bê tông hóa, đảm bảo ô tô đi lại thuận tiện quanh năm	100%	100%	Sở Giao thông vận tải - Xây dựng	
		2.2. Tỷ lệ đường thôn, bản, ấp và đường liên thôn, bản, ấp ít nhất được cứng hóa, đảm bảo ô tô đi lại thuận tiện quanh năm	≥ 80%	≥ 80% cứng hóa		
		2.3. Tỷ lệ đường ngõ, xóm sạch và đảm bảo đi lại thuận tiện quanh năm	UBND cấp tỉnh quy định			
		2.4. Tỷ lệ đường trục chính nội đồng đảm bảo vận chuyển hàng hóa thuận tiện quanh năm	100% (≥ 65% cứng hóa)			
3	Thủy lợi và phòng, chống thiên tai	3.1. Tỷ lệ diện tích đất sản xuất nông nghiệp được tưới và tiêu nước chủ động đạt từ 80% trở lên	UBND cấp tỉnh quy định	≥ 80%	Sở Nông nghiệp và PTNT	
		3.2. Đảm bảo yêu cầu chủ động về phòng chống thiên tai theo phương châm 4 tại chỗ	Đạt	Đạt		

Handwritten signature


TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu vùng trung du miền núi phía Bắc	Chỉ tiêu tỉnh Lào Cai giai đoạn 2022-2025	Phân công phụ trách và hướng dẫn tiêu chí	Ghi chú
4	Điện	 <p>4.1. Hệ thống điện đạt chuẩn</p> <p>4.2. Tỷ lệ hộ có đăng ký trực tiếp và được sử dụng điện thường xuyên, an toàn từ các nguồn</p>	Đạt ≥ 95%	Đạt ≥ 95%	Sở Công Thương	
5	Trường học	<p>Tỷ lệ trường học các cấp (mầm non, tiểu học, THCS; hoặc trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là THCS) đạt tiêu chuẩn cơ sở vật chất theo quy định</p> <p>6.1. Xã có nhà văn hóa hoặc hội trường đa năng và sân thể thao phục vụ sinh hoạt văn hóa, thể thao của toàn xã</p> <p>6.2. Xã có điểm vui chơi, giải trí và thể thao cho trẻ em và người cao tuổi theo quy định</p> <p>6.3. Tỷ lệ thôn, bản có nhà văn hóa hoặc nơi sinh hoạt văn hóa, thể thao phục vụ cộng đồng</p>	Bộ Giáo dục và Đào tạo công bố chỉ tiêu cụ thể	100% đạt tiêu chuẩn CSVC tối thiểu (≥70% đạt tiêu chuẩn CSVC mức độ 1 trở lên)	Sở Giáo dục và Đào tạo	
6	Cơ sở vật chất văn hoá		UBND cấp tỉnh quy định	Đạt	Sở Văn hoá và Thể thao	
7	Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn	Xã có chợ nông thôn hoặc nơi mua bán, trao đổi hàng hóa	UBND cấp tỉnh quy định	Đạt	Sở Công Thương	
8	Thông tin và Truyền thông	8.1. Xã có điểm phục vụ bưu chính	Bộ Thông tin và Truyền thông công bố chỉ tiêu cụ thể	Đạt	Sở Thông tin và Truyền thông	
		8.2. Xã có dịch vụ viễn thông, internet		Đạt		
		8.3. Xã có đài truyền thanh và hệ thống loa đến các thôn		Đạt		
		8.4. Xã có ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý, điều hành		Đạt		
9	Nhà ở dân cư	<p>9.1. Nhà tạm, đột nát</p> <p>9.2. Tỷ lệ hộ có nhà ở kiên cố hoặc bán kiên cố</p>	Không UBND cấp tỉnh quy định	Không ≥ 85%	Sở Giao thông vận tải - Xây dựng	




TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu vùng trung du miền núi phía Bắc			Chỉ tiêu tỉnh Lào Cai giai đoạn 2022-2025			Phân công phụ trách và hướng dẫn tiêu chí	Ghi chú		
			Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025	Năm 2022	Năm 2023			Năm 2024	Năm 2025
10	Thu nhập	Thu nhập bình quân đầu người (triệu đồng/người)	≥ 39	≥ 42	≥ 45	≥ 48	≥ 39	≥ 42	≥ 45	≥ 48	Cục Thống kê tỉnh	
11	Tỷ lệ nghèo đa chiều	Tổng tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo đa chiều giai đoạn 2022-2025	Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội công bố chỉ tiêu cụ thể			Sở Lao động - Thương binh và Xã hội công bố chỉ tiêu cụ thể			Sở Lao động - Thương binh và Xã hội			
12	Lao động	12.1. Tỷ lệ lao động qua đào tạo (áp dụng đạt cho cả nam và nữ)	≥ 70%			≥ 70%			Sở Lao động - Thương binh và Xã hội			
		12.2. Tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ (áp dụng đạt cho cả nam và nữ)	≥ 20%			≥ 20%						
13	Tổ chức sản xuất và phát triển kinh tế nông thôn	13.1. Xã có hợp tác xã hoạt động hiệu quả và theo đúng quy định của Luật Hợp tác xã	Đạt			Đạt			Sở Kế hoạch và Đầu tư			
		13.2. Xã có mô hình liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ sản phẩm chủ lực đảm bảo bền vững	Đạt			Đạt			Sở Nông nghiệp và PTNT			
		13.3. Thực hiện truy xuất nguồn gốc các sản phẩm chủ lực của xã gắn với xây dựng vùng nguyên liệu và được chứng nhận VietGAP hoặc tương đương	Đạt			Đạt			Sở Nông nghiệp và PTNT			
		13.4. Có kế hoạch và triển khai kế hoạch bảo tồn, phát triển làng nghề, làng nghề truyền thống (nếu có) gắn với hạ tầng vệ bảo vệ môi trường	Đạt			Đạt			Sở Nông nghiệp và PTNT; Sở Tài nguyên môi trường			
		13.5. Có tổ khuyến nông cộng đồng hoạt động hiệu quả (nếu có)	Đạt			Đạt			Sở Nông nghiệp và PTNT			

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chi tiêu vùng trung du miền núi phía Bắc	Chi tiêu tỉnh Lào Cai giai đoạn 2022-2025	Phân công phụ trách và hướng dẫn tiêu chí	Ghi chú
14	Giáo dục và Đào tạo	 <p>14.1. Phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi; phổ cập giáo dục tiểu học; phổ cập giáo dục trung học cơ sở; xóa mù chữ</p> <p>14.2. Tỷ lệ học sinh (áp dụng đạt cho cả nam và nữ) tốt nghiệp trung học cơ sở được tiếp tục học trung học (phổ thông, giáo dục thường xuyên, trung cấp)</p>	Bộ Giáo dục và Đào tạo công bố chi tiêu cụ thể	Đạt	Sở Giáo dục và Đào tạo	
15	Y tế	15.1. Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế (áp dụng đạt cho cả nam và nữ)	≥ 90%	≥ 90%	Sở Y tế	
		15.2. Xã đạt tiêu chí quốc gia về y tế	Đạt	Đạt		
		15.3. Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng thể thấp còi (chiều cao theo tuổi)	≤ 24%	≤ 24%		
		15.4. Tỷ lệ dân số có sổ khám chữa bệnh điện tử	≥ 50%	≥ 50%		
16	Văn hóa	Tỷ lệ thôn, bản đạt tiêu chuẩn văn hoá theo quy định, có kế hoạch và thực hiện kế hoạch xây dựng nông thôn mới	UBND cấp tỉnh quy định cụ thể	≥ 70%	Sở Văn hoá và Thể thao	
17	Môi trường và an toàn thực phẩm	17.1. Tỷ lệ hộ được sử dụng nước sạch theo quy chuẩn	Xã không thuộc khu vực III	≥ 30% (≥ 10% từ hệ thống cấp nước tập trung)	Sở Nông nghiệp và PTNT	
		Xã khu vực III	≥ 20% (≥ 10% từ hệ thống cấp nước tập trung)	≥ 20% (≥ 10% từ hệ thống cấp nước tập trung)		
		≥ 90%	≥ 90%			
		17.2. Tỷ lệ cơ sở sản xuất - kinh doanh, nuôi trồng thủy sản, làng nghề đảm bảo quy định về bảo vệ môi trường	≥ 90%	≥ 90%	Sở Tài nguyên và Môi trường	





TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu vùng trung du miền núi phía Bắc	Chỉ tiêu tỉnh Lào Cai giai đoạn 2022-2025	Phân công phụ trách và hướng dẫn tiêu chí	Ghi chú
		 <p>17.3. Cảnh quan, không gian xanh - sạch - đẹp, an toàn; không để xảy ra tồn đọng nước thải sinh hoạt tại các khu dân cư tập trung</p>	Đạt	Đạt		
		17.4. Đất cây xanh sử dụng công cộng tại điểm dân cư nông thôn	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn công bố chỉ tiêu cụ thể	$\geq 2m^2/\text{người}$	Sở Nông nghiệp và PTNT	
		17.5. Mai táng, hỏa táng phù hợp với quy định và theo quy hoạch	UBND cấp tỉnh quy định cụ thể	Đạt	Sở Giao thông vận tải - Xây dựng	
		17.6. Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt và chất thải rắn không nguy hại trên địa bàn được thu gom, xử lý theo quy định	$\geq 70\%$	$\geq 70\%$	Sở Tài nguyên và Môi trường	
		17.7. Tỷ lệ bao gói thuốc bảo vệ thực vật sau sử dụng và chất thải rắn y tế được thu gom, xử lý đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường	Tỷ lệ bao gói thuốc bảo vệ thực vật sau sử dụng được thu gom, xử lý đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường	100%	100%	Sở Nông nghiệp và PTNT
			Tỷ lệ chất thải rắn y tế được thu gom, xử lý đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường	100%	100%	Sở Y tế
		17.8. Tỷ lệ hộ có nhà tiêu, nhà tắm, thiết bị chứa nước sinh hoạt hợp vệ sinh và đảm bảo 3 sạch	$\geq 70\%$	$\geq 70\%$	Sở Y tế	



TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu vùng trung du miền núi phía Bắc	Chỉ tiêu tỉnh Lào Cai giai đoạn 2022-2025	Phân công phụ trách và hướng dẫn tiêu chí	Ghi chú
		 <p>17.9. Tỷ lệ cơ sở chăn nuôi đảm bảo các quy định về vệ sinh thú y, chăn nuôi và bảo vệ môi trường</p>	≥ 60%	≥ 60%	Sở Nông nghiệp và PTNT	
		17.10. Cơ sở/điểm giết mổ gia súc, gia cầm đảm bảo vệ sinh thú y và môi trường” (nếu có)		Đạt	Sở Nông nghiệp và PTNT	
		17.11. Tỷ lệ hộ gia đình và cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm tuân thủ các quy định về đảm bảo an toàn thực phẩm	100%	100%	Sở Y tế	
		17.12. Tỷ lệ hộ gia đình thực hiện phân loại chất thải rắn tại nguồn	≥ 30%	≥ 30%	Sở Tài nguyên và Môi trường	
		17.13. Tỷ lệ chất thải nhựa phát sinh trên địa bàn được thu gom, tái sử dụng, tái chế, xử lý theo quy định	≥ 30%	≥ 30%		
		18.1. Cán bộ, công chức xã đạt chuẩn	Đạt	Đạt	Sở Nội vụ	
		18.2. Đảng bộ, chính quyền xã được xếp loại chất lượng hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên	Đạt	Đạt		
		18.3. Tổ chức chính trị - xã hội của xã được xếp loại chất lượng hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên	100%	100%		
		18.4. Xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật theo quy định	Đạt	Đạt	Sở Tư pháp	
18	Hệ thống chính trị và tiếp cận pháp luật	18.5. Đảm bảo bình đẳng giới và phòng chống bạo lực gia đình; phòng chống bạo lực trên cơ sở giới; phòng chống xâm hại trẻ em; bảo vệ và hỗ trợ trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt trên địa bàn (nếu có); bảo vệ và hỗ trợ những người dễ bị tổn thương trong gia đình và đời sống xã hội	Đạt	Đạt	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	



TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chi tiêu vùng trung du miền núi phía Bắc	Chi tiêu tỉnh Lào Cai giai đoạn 2022-2025	Phân công phụ trách và hướng dẫn tiêu chí	Ghi chú
		 <p>18.6 Có kế hoạch và triển khai kế hoạch bồi dưỡng kiến thức về xây dựng nông thôn mới cho người dân, đào tạo nâng cao năng lực cộng đồng gắn với nâng cao hiệu quả hoạt động của Ban Phát triển thôn</p>	UBND cấp tỉnh quy định cụ thể	Đạt	Sở Kế hoạch và Đầu tư	
		19.1. Xây dựng lực lượng dân quân “vững mạnh, rộng khắp” và hoàn thành các chỉ tiêu quân sự, quốc phòng	Đạt	Đạt	Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh; Bộ Chỉ huy BDBP tỉnh	
19	Quốc phòng và An ninh	19.2. Không có hoạt động xâm phạm an ninh quốc gia; không có khiêu khích đông người kéo dài trái pháp luật; không có công dân cư trú trên địa bàn phạm tội đặc biệt nghiêm trọng hoặc phạm các tội về xâm hại trẻ em; tội phạm và tệ nạn xã hội (ma túy, trộm cắp, cờ bạc,...) và tai nạn giao thông, cháy, nổ được kiểm chế, giảm so với năm trước; có một trong các mô hình (phòng, chống tội phạm, tệ nạn xã hội; bảo đảm trật tự, an toàn giao thông; phòng cháy, chữa cháy) gắn với phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc hoạt động thường xuyên, hiệu quả	Đạt	Đạt	Công an tỉnh	




BỘ TIÊU CHÍ XÃ NÔNG THÔN MỚI NÂNG CAO TỈNH LÀO CAI, GIAI ĐOẠN 2022 - 2025
(Kèm theo Quyết định số: **894** /QĐ-UBND ngày **29** / **4** /2022 của UBND tỉnh Lào Cai)


Xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2022 - 2025:

1. Là xã đạt chuẩn nông thôn mới (đáp ứng đầy đủ mức đạt chuẩn theo yêu cầu của Bộ tiêu chí xã nông thôn mới tỉnh Lào Cai giai đoạn 2022-2025).
2. Đạt các tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao tỉnh Lào Cai giai đoạn 2022-2025, bao gồm:


TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu vùng trung du miền núi phía Bắc	Chỉ tiêu tỉnh Lào Cai, giai đoạn 2022-2025		Các số, ban, ngành phụ trách và hướng dẫn tiêu chí	Ghi chú
1	Quy hoạch	1.1. Có quy hoạch chung xây dựng xã còn thời hạn hoặc đã được rà soát, điều chỉnh theo quy định của pháp luật về quy hoạch 1.2. Có quy chế quản lý và tổ chức thực hiện quy hoạch xây dựng và quản lý xây dựng theo quy hoạch 1.3. Có quy hoạch chi tiết xây dựng trung tâm xã hoặc quy hoạch chi tiết xây dựng điểm dân cư mới phù hợp với tình hình kinh tế - xã hội của địa phương và phù hợp với định hướng đô thị hóa theo quy hoạch cấp trên	UBND cấp tỉnh quy định		Đạt	Số Giao thông vận tải - Xây dựng	
					Đạt		
					Đạt		
2	Giao thông	2.1. Tỷ lệ đường xã được bảo trì hàng năm, đảm bảo sáng - xanh - sạch - đẹp và có các hạng mục cần thiết (biển báo, biển chỉ dẫn, chiếu sáng, gờ giảm tốc, cây xanh...) theo quy định 2.2. Tỷ lệ đường thôn, bản và đường liên thôn, bản	UBND cấp tỉnh quy định		Đạt	Số Giao thông vận tải - Xây dựng	
				100%	100%		

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu vùng trung du miền núi phía Bắc	Chỉ tiêu tỉnh Lào Cai, giai đoạn 2022-2025	Các sở, ban, ngành phụ trách và hướng dẫn tiêu chí	Ghi chú
		 <p>Có các hạng mục cần thiết theo quy định (biển báo, biển chỉ dẫn, chiếu sáng, gờ giảm tốc, cây xanh...) và đảm bảo sáng - xanh - sạch - đẹp</p>	UBND cấp tỉnh quy định	Đạt		
		<p>2.3. Tỷ lệ đường ngõ, xóm được cứng hóa, đảm bảo sáng - xanh - sạch - đẹp</p> <p>2.4. Tỷ lệ đường trục chính nội đồng được cứng hóa đáp ứng yêu cầu sản xuất và vận chuyển hàng hóa</p>	UBND cấp tỉnh quy định	<p>≥ 85%</p> <p>≥ 70%</p>	Sở Giao thông vận tải và Xây dựng	
		<p>3.1. Tỷ lệ diện tích đất sản xuất nông nghiệp được tưới và tiêu nước chủ động</p> <p>3.2. Có ít nhất 01 tổ chức thủy lợi cơ sở hoạt động hiệu quả, bền vững</p>	Đạt	Đạt	Sở Nông nghiệp và PTNT	
3	Thủy lợi và phòng, chống thiên tai	<p>3.3. Tỷ lệ diện tích cây trồng chủ lực của địa phương được tưới tiên tiến, tiết kiệm nước</p> <p>3.4. Có 100% số công trình thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng được bảo trì hàng năm</p> <p>3.5. Thực hiện kiểm kê, kiểm soát các nguồn nước thải xả vào công trình thủy lợi</p> <p>3.6. Đảm bảo yêu cầu chủ động về phòng chống thiên tai theo phương châm 4 tại chỗ</p>	UBND cấp tỉnh quy định	<p>≥ 30%</p> <p>Đạt</p> <p>Đạt</p>	Sở Nông nghiệp và PTNT	
			Khá	Khá		




TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu vùng trung du miền núi phía Bắc	Chỉ tiêu tỉnh Lào Cai, giai đoạn 2022-2025	Các sở, ban, ngành phụ trách và hướng dẫn tiêu chí	Ghi chú
4	Điện	 Tỷ lệ hộ có đường dây trực tiếp và được sử dụng điện sinh hoạt, sản xuất đảm bảo an toàn, tin cậy và ổn định	≥ 98%	≥ 98%	Sở Công Thương	
5	Giáo dục	5.1. Tỷ lệ trường học các cấp (mầm non, tiểu học, THCS, hoặc trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là THCS) đạt tiêu chuẩn cơ sở vật chất mức độ 1 và có ít nhất 01 trường đạt tiêu chuẩn cơ sở vật chất mức độ 2	100%	100%	Sở Giáo dục và Đào tạo	
		5.2. Duy trì và nâng cao chất lượng đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi	Đạt	Đạt		
		5.3. Đạt chuẩn và duy trì đạt chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học và THCS	Mức độ 3	Mức độ 3		
		5.4. Đạt chuẩn xóa mù chữ	Mức độ 2	Mức độ 2		
		5.5. Cộng đồng học tập cấp xã được đánh giá, xếp loại	Khá	Khá		
		5.6. Có mô hình giáo dục thể chất cho học sinh rèn luyện thể lực, kỹ năng, sức bền	UBND cấp tỉnh quy định	Đạt		
6	Văn hóa	6.1. Có lắp đặt các dụng cụ thể dục thể thao ngoài trời ở điểm công cộng; các loại hình hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao được tổ chức hoạt động thường xuyên	UBND cấp tỉnh quy định	Đạt	Sở Văn hóa và Thể thao	
		6.2. Di sản văn hóa được kiểm kê, ghi danh, bảo vệ, tu bổ, tôn tạo và phát huy giá trị đúng quy định (nếu có)		Đạt		
		6.3. Tỷ lệ thôn, bản đạt tiêu chuẩn văn hóa theo quy định và đạt chuẩn nông thôn mới		UBND cấp tỉnh quy định		≥ 80%




TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu vùng trung du miền núi phía Bắc	Chỉ tiêu tỉnh Lào Cai, giai đoạn 2022-2025	Các sở, ban, ngành phụ trách và hướng dẫn tiêu chí	Ghi chú
7	Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn	 <p>Có mô hình chợ thi điểm bảo đảm an toàn thực phẩm, hoặc chợ đáp ứng yêu cầu chung theo tiêu chuẩn chợ kinh doanh thực phẩm</p>	UBND cấp tỉnh quy định	Đạt	Sở Công Thương	
8	Thông tin và Truyền thông	8.1. Có điểm phục vụ bưu chính đáp ứng cung cấp dịch vụ công trực tuyến cho người dân	Bộ Thông tin và Truyền thông công bố chỉ tiêu cụ thể	Đạt	Sở Thông tin và Truyền thông	
		8.2. Tỷ lệ thuê bao sử dụng điện thoại thông minh		55%		
		8.3. Có dịch vụ báo chí truyền thông		Đạt		
		8.4. Có ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý, điều hành phục vụ đời sống kinh tế - xã hội và tổ chức lấy ý kiến sự hài lòng của người dân về kết quả xây dựng nông thôn mới		Đạt		
		8.5. Có mạng wifi miễn phí ở các điểm công cộng (khu vực trung tâm xã, nơi sinh hoạt cộng đồng, điểm du lịch cộng đồng,...)		≥ 1 điểm		
9	Nhà ở dân cư	Tỷ lệ hộ có nhà ở kiên cố hoặc bán kiên cố	UBND cấp tỉnh quy định	≥ 95%	Sở Giao thông vận tải - Xây dựng	
10	Thu nhập	Thu nhập bình quân đầu người (triệu đồng/người)	Năm 2022	≥ 47	Cục Thống kê tỉnh	
			Năm 2023	≥ 51		
			Năm 2024	≥ 55		
Năm 2025	≥ 59	≥ 59				
11	Tỷ lệ nghèo đa chiều	Tổng tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo đa chiều giai đoạn 2022-2025	Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội công bố chỉ tiêu cụ thể	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội công bố chỉ tiêu cụ thể	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	
12	Lao động	12.1. Tỷ lệ lao động qua đào tạo (áp dụng đạt cho cả nam và nữ)	≥ 75%	≥ 75%	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	




TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu vùng trung du miền núi phía Bắc	Chỉ tiêu tỉnh Lào Cai, giai đoạn 2022-2025	Các số, ban, ngành phụ trách và hướng dẫn tiêu chí	Ghi chú
		 <p>12.2. Tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ (áp dụng đạt cho cả nam và nữ)</p> <p>12.3. Tỷ lệ lao động làm việc trong các ngành kinh tế chủ lực trên địa bàn</p>	<p>≥ 25%</p> <p>UBND cấp tỉnh quy định</p>	<p>≥ 25%</p> <p>≥ 35%</p>		
		<p>13.1. Hợp tác xã hoạt động hiệu quả và có hợp đồng liên kết theo chuỗi giá trị ổn định</p>	<p>Hợp tác xã hoạt động hiệu quả</p> <p>Hợp tác xã có hợp đồng liên kết theo chuỗi giá trị ổn định</p> <p>≥ 1</p> <p>≥ 1</p>	<p>≥ 1</p> <p>≥ 1</p>	<p>Sở Kế hoạch và Đầu tư</p> <p>Sở Nông nghiệp và PTNT</p>	
		<p>13.2. Có sản phẩm OCOP được xếp hạng đạt chuẩn hoặc tương đương còn thời hạn</p> <p>13.3. Có mô hình kinh tế ứng dụng công nghệ cao, hoặc mô hình nông nghiệp áp dụng cơ giới hóa các khâu, liên kết theo chuỗi giá trị gắn với đảm bảo an toàn thực phẩm</p>	<p>UBND cấp tỉnh quy định</p> <p>≥ 1</p>	<p>≥ 1</p>		
13	<p>Tổ chức sản xuất và phát triển kinh tế nông thôn</p>	<p>13.4. Ứng dụng chuyển đổi số để thực hiện truy xuất nguồn gốc các sản phẩm chủ lực của xã</p> <p>13.5. Tỷ lệ sản phẩm chủ lực của xã được bán qua kênh thương mại điện tử</p> <p>13.6. Vùng nguyên liệu tập trung đối với nông sản chủ lực của xã được cấp mã vùng</p> <p>13.7. Có triển khai quảng bá hình ảnh điểm du lịch của xã thông qua ứng dụng Internet, mạng xã hội (nếu có)</p> <p>13.8. Có mô hình phát triển kinh tế nông thôn hiệu quả theo hướng tích hợp đa giá trị (Kinh tế, văn hoá, môi trường)</p>	<p>UBND cấp tỉnh quy định</p> <p>Đạt</p> <p>≥ 50%</p> <p>Đạt</p> <p>Đạt</p> <p>Đạt</p>	<p>Đạt</p>	<p>Sở Nông nghiệp và PTNT</p>	




TT	Tên tiêu chí	Chi tiêu vùng trung du miền núi phía Bắc	Chi tiêu tỉnh Lào Cai, giai đoạn 2022-2025	Các sở, ban, ngành phụ trách và hướng dẫn tiêu chí	Ghi chú
14	Y tế	14.1. Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế (áp dụng đạt cho cả nam và nữ)	≥ 95%	≥ 95%	Sở Y tế
		14.2. Tỷ lệ dân số được quản lý sức khỏe (áp dụng đạt cho cả nam và nữ)	≥ 90%	≥ 90%	
		14.3. Tỷ lệ người dân tham gia và sử dụng ứng dụng khám chữa bệnh từ xa (áp dụng đạt cho cả nam và nữ)	≥ 40%	≥ 40%	
		14.4. Tỷ lệ dân số có số khám chữa bệnh điện tử	≥ 70%	≥ 70%	
15	Hành chính công	15.1. Ứng dụng công nghệ thông tin trong giải quyết thủ tục hành chính	Đạt	Đạt	Văn phòng UBND tỉnh
		15.2. Có dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 trở lên	Đạt	Đạt	
		15.3. Giải quyết các thủ tục hành chính đảm bảo đúng quy định và không để xảy ra khiếu nại vượt cấp	Đạt	Đạt	
16	Tiếp cận pháp luật	16.1. Có mô hình điển hình về phổ biến, giáo dục pháp luật, hòa giải ở cơ sở hoạt động hiệu quả được công nhận	≥ 1	≥ 1	Sở Tư pháp
		16.2. Tỷ lệ mâu thuẫn, tranh chấp, vi phạm thuộc phạm vi hòa giải được hòa giải thành	≥ 90%	≥ 90%	
		16.3. Tỷ lệ người dân thuộc đối tượng trợ giúp pháp lý tiếp cận và được trợ giúp pháp lý khi có yêu cầu	≥ 90%	≥ 90%	
17	Môi trường	17.1. Khu kinh doanh, dịch vụ, chăn nuôi, giết mổ (gia súc, gia cầm), nuôi trồng thủy sản có hạ tầng kỹ thuật về bảo vệ môi trường	Đạt	Đạt	Sở Tài nguyên và Môi trường

TT	Tên tiêu chí	Chi tiêu vùng trung du miền núi phía Bắc	Chi tiêu tỉnh Lào Cai, giai đoạn 2022-2025	Các sở, ban, ngành phụ trách và hướng dẫn tiêu chí	Ghi chú
	 Nội dung tiêu chí 17.2. Tỷ lệ cơ sở sản xuất - kinh doanh, nuôi trồng thủy sản, làng nghề đảm bảo quy định về bảo vệ môi trường	100%	100%		
	17.3. Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt và chất thải rắn không nguy hại trên địa bàn được thu gom, xử lý theo quy định	≥ 80%	≥ 80%		
	17.4. Tỷ lệ hộ gia đình thực hiện thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt bằng biện pháp phù hợp, hiệu quả	≥ 25%	≥ 25%		
	17.5. Tỷ lệ hộ gia đình thực hiện phân loại chất thải rắn tại nguồn	≥ 50%	≥ 50%		
	17.6. Tỷ lệ chất thải rắn nguy hại trên địa bàn được thu gom, vận chuyển và xử lý đáp ứng các yêu cầu về bảo vệ môi trường	100%	100%		
	17.7. Tỷ lệ chất thải hữu cơ, phụ phẩm nông nghiệp được thu gom, tái sử dụng và tái chế thành nguyên liệu, nhiên liệu và các sản phẩm thân thiện với môi trường	≥ 80%	≥ 80%	Sở Nông nghiệp và PTNT	
	17.8. Tỷ lệ cơ sở chăn nuôi bảo đảm các quy định về vệ sinh thú y, chăn nuôi và bảo vệ môi trường	≥ 75%	≥ 75%	Sở Giao thông vận tải - Xây dựng	
	17.9. Nghĩa trang, cơ sở hỏa táng (nếu có) đáp ứng các quy định của pháp luật và theo quy hoạch	UBND cấp tỉnh quy định cụ thể	Đạt	Sở Tài nguyên và Môi trường	
	17.10. Tỷ lệ sử dụng hình thức hỏa táng	≥ 5%	≥ 5%	Sở Nông nghiệp và PTNT	
	17.11. Đất cây xanh sử dụng công cộng tại điểm dân cư nông thôn	Bộ Nông nghiệp và PTNT công bố chi tiêu cụ thể	≥ 4m ² /người	Sở Nông nghiệp và PTNT	



TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chi tiêu vùng trung du miền núi phía Bắc	Chi tiêu tỉnh Lào Cai, giai đoạn 2022-2025	Các sở, ban, ngành phụ trách và hướng dẫn tiêu chí	Ghi chú
		 <p>17.12. Tỷ lệ chất thải nhựa phát sinh trên địa bàn được thu gom, tái sử dụng, tái chế, xử lý theo quy định</p>	≥ 50%	≥ 50%	Sở Tài nguyên và Môi trường	
	18.1. Tỷ lệ hộ được sử dụng nước sạch theo quy chuẩn từ hệ thống cấp nước tập trung	Xã không thuộc khu vực III	≥ 35%	≥ 35%	Sở Nông nghiệp và PTNT	
	Xã khu vực III	≥ 25%	≥ 25%			
18.2. Cấp nước sinh hoạt đạt chuẩn bình quân đầu người/ngày đêm	Xã không thuộc khu vực III	≥ 60 lít	≥ 60 lít			
	Xã khu vực III	≥ 40 lít	≥ 40 lít			
18	Chất lượng môi trường sống	18.3. Tỷ lệ công trình cấp nước tập trung có tổ chức quản lý, khai thác hoạt động bền vững	Xã không thuộc khu vực III	≥ 25%	Sở Y tế	
		Xã khu vực III	≥ 20%	≥ 20%		
		18.4. Tỷ lệ chi tiêu hộ gia đình và cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm hàng năm được tập huấn về an toàn thực phẩm	100%	100%		
		18.5. Không để xảy ra sự cố về an toàn thực phẩm trên địa bàn thuộc phạm vi quản lý của xã	Không	Không		
	18.6. Tỷ lệ cơ sở sơ chế, chế biến thực phẩm nông lâm thủy sản được chứng nhận về an toàn thực phẩm	UBND cấp tỉnh quy định cụ thể	100%	100%	Sở Nông nghiệp và PTNT	
	18.7. Tỷ lệ hộ có nhà tắm, thiết bị chứa nước sinh hoạt hợp vệ sinh, nhà tiêu an toàn và đảm bảo 3 sạch	≥ 80%	≥ 80%	≥ 80%	Sở Y tế	
	18.8. Tỷ lệ bãi chôn lấp chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn đảm bảo vệ sinh môi trường	100%	100%	100%	Sở Tài nguyên và Môi trường	



TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu vùng trung du miền núi phía Bắc	Chỉ tiêu tỉnh Lào Cai, giai đoạn 2022-2025	Các sở, ban, ngành phụ trách và hướng dẫn tiêu chí	Ghi chú
19	Quốc phòng và An ninh	 <p>19.1. Nâng cao chất lượng hoạt động của Ban Chỉ huy quân sự xã và lực lượng dân quân</p> <p>19.2. Không có công dân cư trú trên địa bàn phạm tội nghiêm trọng trở lên hoặc gây tai nạn (giao thông, cháy, nổ) nghiêm trọng trở lên; có mô hình camera an ninh và các mô hình (phòng, chống tội phạm, tệ nạn xã hội; bảo đảm trật tự, an toàn giao thông; phòng cháy, chữa cháy) gắn với phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tô quốc hoạt động thường xuyên, hiệu quả</p>	Đạt	Đạt	Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh; Bộ Chỉ huy BDBP tỉnh	Công an tỉnh

